

Ngày	51,400 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.2%	1.0%	-7.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	49,300 - 61,254
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	964
Số lượng CPLH (CP)	18,752,687
KLGD BQ 20 phiên (CP)	395
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	(0.01)
EPS	6,044
P/E	8.5

DT thuần

Q1/24

360

tỷ VNĐ

QoQ: ▼253| -41.3%

YoY: ▲ 123| 51.7%

LN trước thuế

Q1/24

17.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼58.0| -76.9%

YoY: ▲ 14.4| 481%

LN sau thuế

Q1/24

17.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼55.3| -76.0%

YoY: ▲ 14.4| 481%

ROA

2023

4.6%

+/- YoY: ▼ 6.5%

DT thuần

2023

1,488

tỷ VNĐ

YoY: ▼125| -7.7%

LN trước thuế

2023

106

tỷ VNĐ

YoY: ▼127| -54.4%

LN sau thuế

2023

96.2

tỷ VNĐ

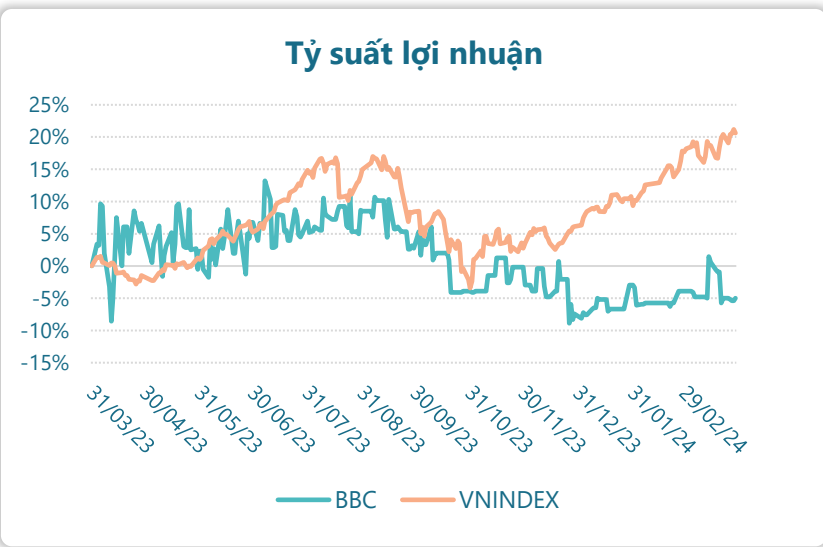
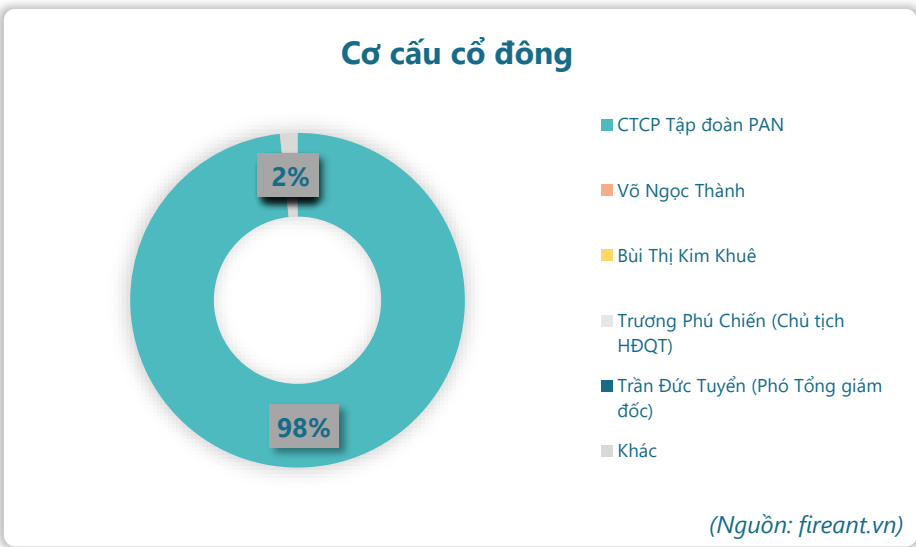
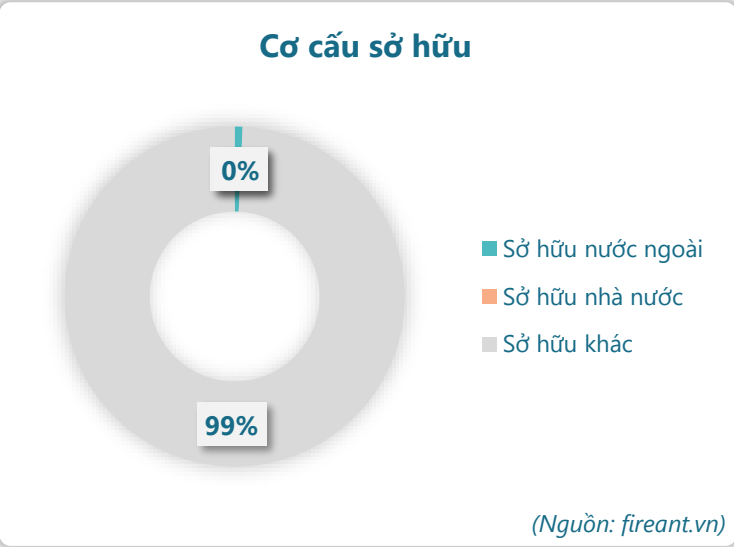
YoY: ▼96.8| -50.2%

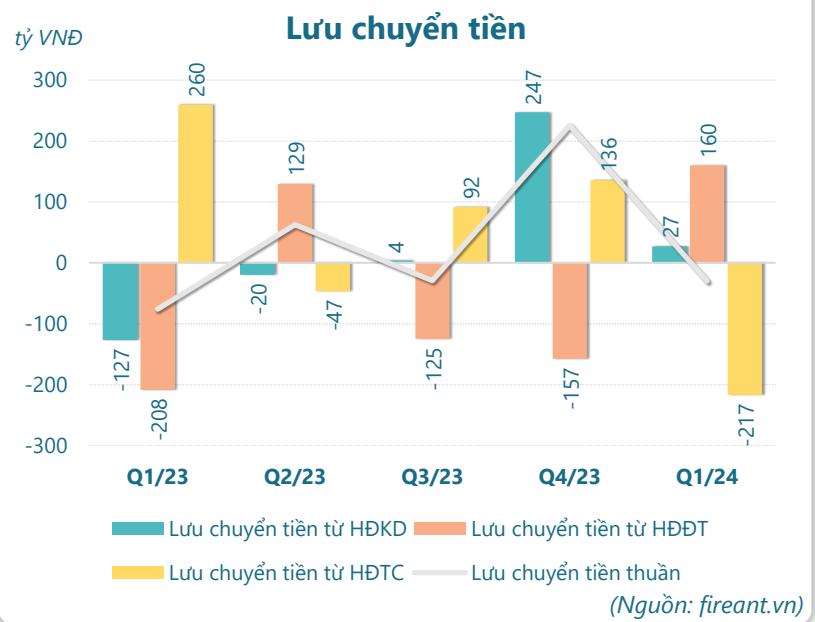
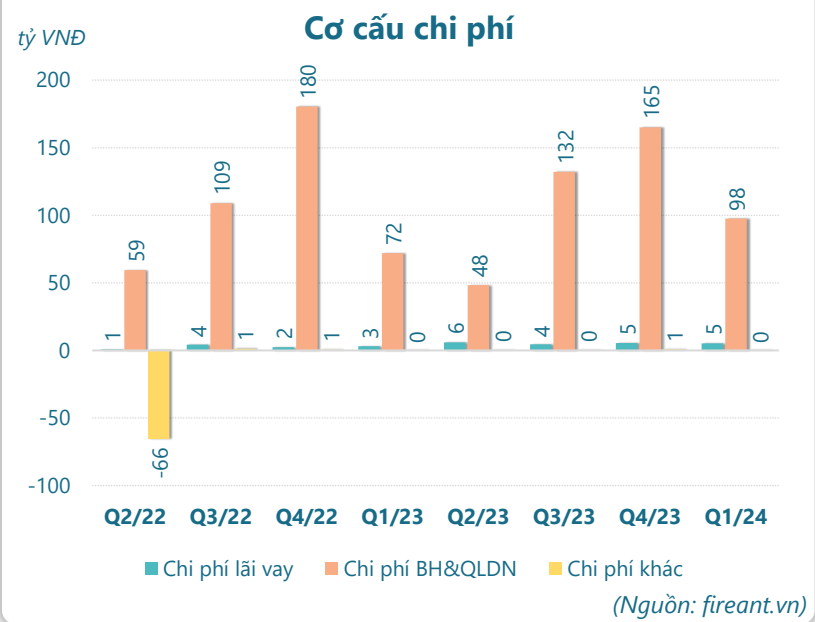
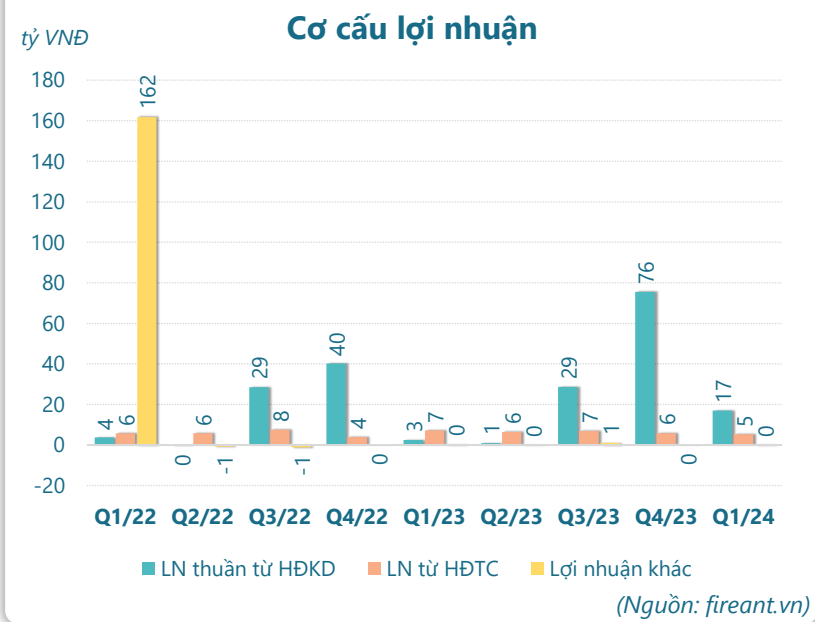
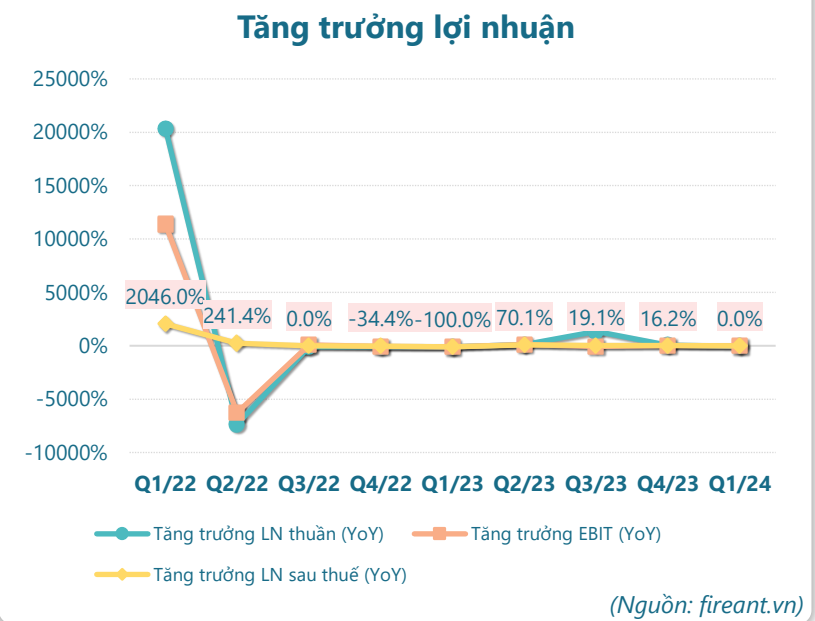
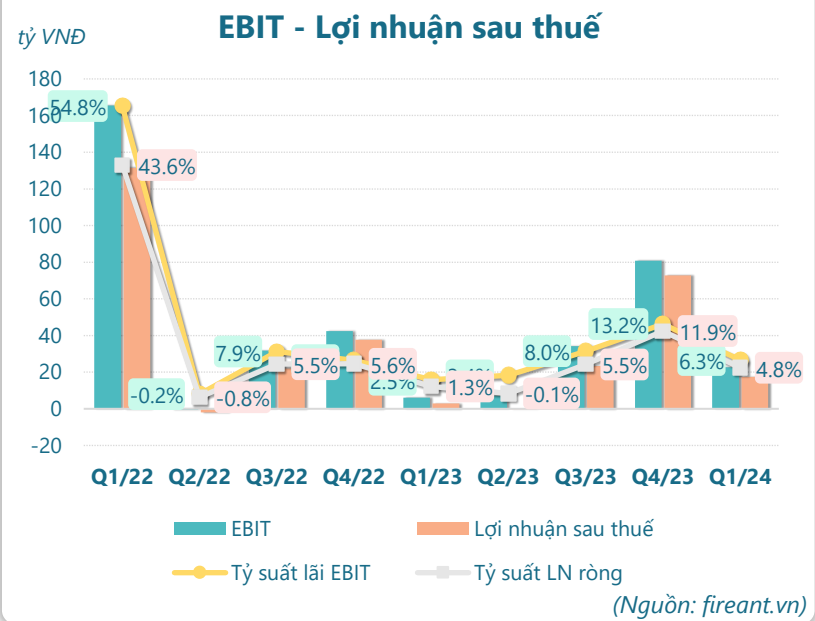
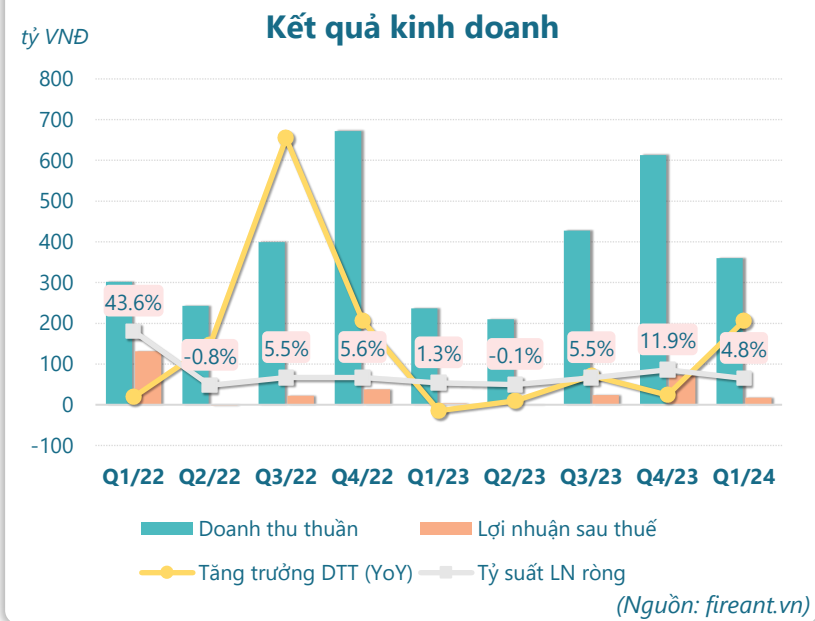
ROE

2023

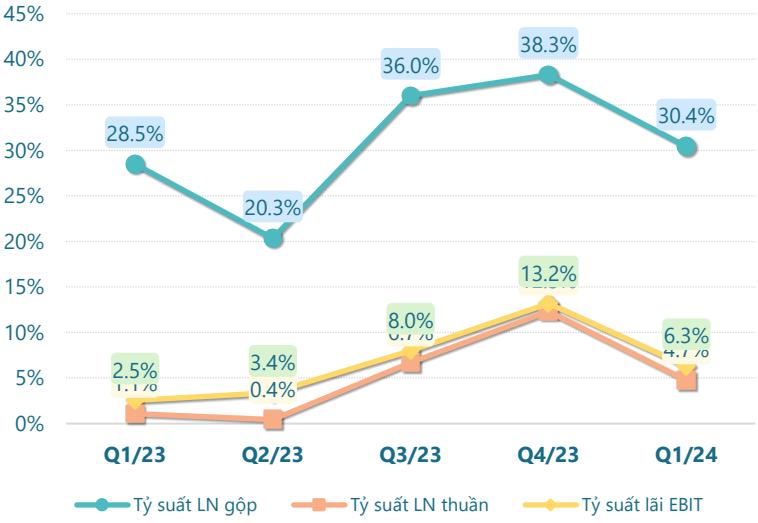
6.9%

+/- YoY: ▼ 9.5%



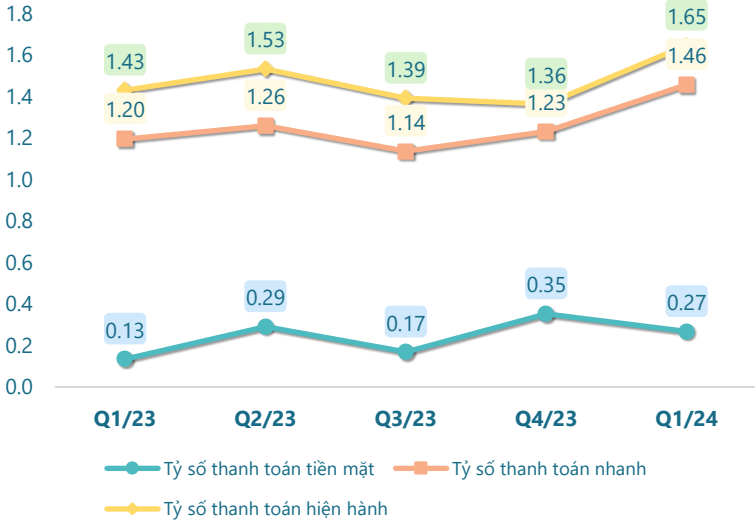


Tỷ suất lợi nhuận



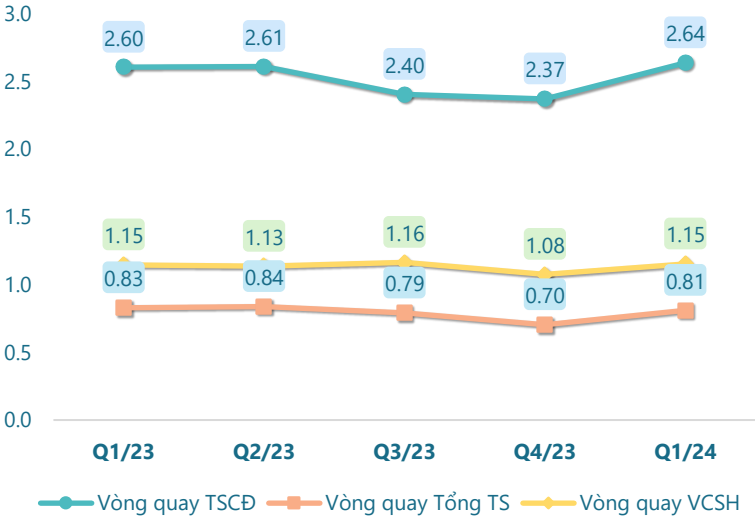
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



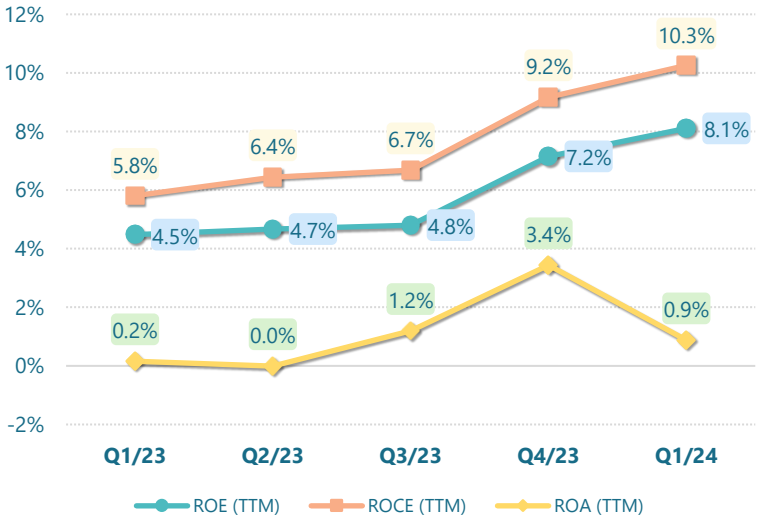
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



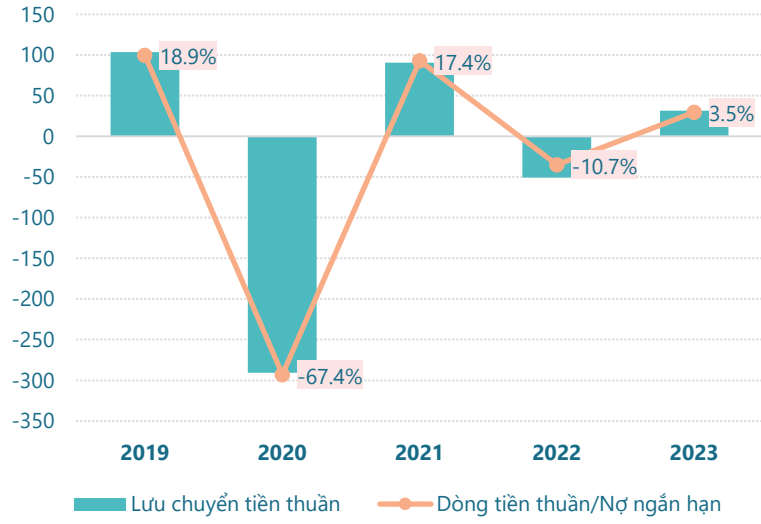
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



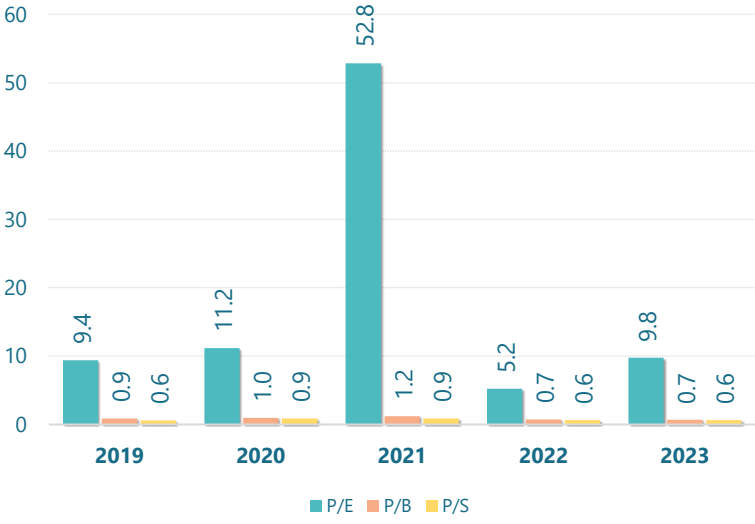
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)